

Bản án số: 68/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 22-6-2022  
"V/v Ly hôn"

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Minh Trường.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Văn Bé Hai.

Bà Nguyễn Thị Sương.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình tham gia phiên tòa:**  
Không tham gia.

Ngày 22 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 165/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn Quảng Ph, xã Vạn L, huyện Vạn N, tỉnh Khánh Hòa (Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 13/5/2022).

- *Bị đơn:* Ông Châu Thanh Q, sinh năm 1988; địa chỉ: Ấp Bình H, xã Loan M, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Tại đơn khởi kiện ngày 16/3/2022 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày như sau:

Về hôn nhân: Bà Th và ông Q tự tìm hiểu thì đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 31/12/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Loan M, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long. Trong quá trình chung sống, ông bà sống hạnh phúc được 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn do ông Q không lo làm ăn, thường xuyên xảy ra cự cãi, không chăm lo cho vợ con mặc dù bà Th đã khuyên nhiều lần

nhưng ông Q không sửa đổi nên không thể tiếp tục chung sống hạnh phúc do đó ông bà đã sống ly thân từ tháng 3/2020 cho đến nay. Nay bà Th yêu cầu ly hôn vì xác định không còn tình cảm với ông Q.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông bà có 01 con chung tên Châu Huyền D, sinh ngày 01/10/2016, hiện nay đang sống chung với bà Th. Khi ly hôn, bà Th yêu cầu nuôi con, không yêu cầu ông Q phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà Th có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 13/5/2022 và giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

- Bị đơn ông Châu Thanh Q nhận được Thông báo thụ lý vụ án nhưng không có văn bản trả lời, không tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa, ông Q được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, bị đơn cư trú tại huyện Tam Bình được thụ lý phù hợp về thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Th có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 13/5/2022, bị đơn ông Q được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Th, ông Q là phù hợp theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về hôn nhân: Bà Th và ông Q tự tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 31/12/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Loan M, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, ông bà sống hạnh phúc được một khoảng thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Theo bà Th xác định nguyên nhân mâu thuẫn do ông Q không lo làm ăn, thường xuyên xảy ra cự cãi, không chăm lo cho vợ con mặc dù bà có khuyên nhiều lần nhưng ông Q không sửa đổi vì vậy bà Th yêu cầu ly hôn vì không còn tình cảm với ông Q.

Xét bà Th và ông Q có một khoảng thời gian sống ly thân. Trong khoảng thời gian này, ông bà không còn quan tâm thăm hỏi và chăm sóc nhau. Trong

quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho ông Q tham gia hòa giải nhiều lần để các bên tháo gỡ những mâu thuẫn nhưng ông Q không tham dự và cũng không trình bày ý kiến phản bác đối với yêu cầu xin ly hôn của bà Th do đó theo lời trình bày của bà Th có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Th là phù hợp theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Bà Th xác định trong khoảng thời gian chung sống ông bà có 01 con chung tên Châu Huyền D, sinh ngày 01/10/2016, hiện nay đang sống chung với bà Th.

Xét điều kiện nuôi con: Xét từ khi ông bà sống ly thân thì cháu D do bà Th chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến nay; ông Q đã được Tòa án thông báo đối với yêu cầu nuôi con của bà Th nhưng không có ý kiến đối với yêu cầu này. Do đó, để đảm bảo về chỗ ở ổn định, học tập, vui chơi và để đảm bảo sự phát triển về tâm sinh lý vì vậy chấp nhận yêu cầu của bà Th là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Xét về nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà Th không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con chung, ông Q không có ý kiến và cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, ông Q không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147 và điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Th. Cho bà Nguyễn Thị Th được ly hôn với ông Châu Thanh Q.

2. Về con chung: Giao cháu Châu Huyền D, sinh ngày 01/10/2016 cho bà Th nuôi dưỡng và giáo dục, ông Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Th được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí nộp ngày 16/3/2022 theo biên lai thu số N<sub>0</sub> 0010618 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB thành tiền án phí. Bà Th đã nộp đủ.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Trương Minh Trường**